

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty CP Môi trường đô thị Gia Lâm đã triển khai các nội dung công việc theo đúng kế hoạch đề ra. Ban Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	KH thực hiện năm 2023	So sánh TH với KH 2023	So sánh TH 2023 với TH 2022
1	Tổng doanh thu sau thuế	188.794	179.388	105,2%	101,7%
2	Tổng doanh thu trước thuế	176.173	167.203	105%	100,9%
2.1	Duy trì VS quận Long Biên	36.813	36.529	100,8%	101,7%
2.2	Duy trì VS huyện Gia Lâm	87.089	84.255	103,4%	103,4%
2.3	Duy trì thoát nước	6.684	5.818	114,9%	91,0%
2.4	Duy trì chiếu sáng	25.278	22.719	111,3%	100,0%
2.5	Duy trì VS đường vành đai 3	4.534	4.440	102,1%	102,1%
2.6	Hợp đồng dịch vụ khác	4.262	3.500	121,8%	127,4%
2.7	Duy trì cây xanh	4.496	4.902	91,7%	91,9%
2.8	Liên kết, hợp tác kinh doanh trụ sở	846	842	100,5%	100,5%
2.9	10% Công tác thu giá dịch vụ	3.459	3.073	112,6%	112,9%
2.10	Doanh thu từ các hoạt động khác	2.711	1.125	241,0%	55,3%
3	Tổng chi phí	162.099	154.417	105,0%	99,6%
4	Lợi nhuận trước thuế	14.074	12.786	110,1%	119,0%
5	Lợi nhuận sau thuế	12.114	10.868	111,5%	122,3%
6	Tỷ suất LNST/Tổng DT	6,9%	6,5%	105,8%	121,1%
7	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	12%	11%	110,1%	116,6%
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/Nợ NH)	3,2	3	107,2%	107,4%
9	Nộp ngân sách	11.751	11.500	102,2%	89,2%
10	Thu nhập bình quân tháng NLĐ	7,78	7,6	102,4%	102,4%

2. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Công nợ tại 31/12/2023	Công nợ tại 31/12/2022	So sánh 2023 và 2022
	TỔNG NỢ PHẢI THU	74.913	53.573	140%
A	Hợp đồng Ngân sách NN	70.229	49.383	142%
1	Trung tâm PTQĐ quận Long Biên	6.781	204	3.320%
2	Ban QLDA ĐTXD huyện Gia Lâm (Trong đó nợ từ nguồn thu giá cho hạng mục duy trì VSMT ngõ xóm địa bàn Huyện lũy kế từ 2021-2023: 13,9 tỷ đồng)	55.051	39.561	139%
3	Ban duy tu các công trình HTKT đô thị	432	2.904	15%
4	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Hà Nội	2.631	-	-
5	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành	1.335	1.778	75%
6	Công ty TNHH một thành viên chiếu sáng và thiết bị đô thị	1.400	1.371	102%
7	Phòng Quản lý đô thị huyện Đông Anh	430	229	188%
8	Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng	1.425	2.843	50%
9	Phòng kinh tế và hạ tầng huyện Tiên Du	744	494	151%
B	Hợp đồng dịch vụ khác	4.684	4.190	112%
1	Năm nay	3.765	3.269	115%
2	Các năm trước	919	921	100%

3. Các chỉ tiêu sản xuất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	So sánh 2023 với 2022
1	Duy trì vệ sinh môi trường				
1.1	Khối lượng rác thu gom, vận chuyển	tấn/ngày	384,23	366,56	105%
1.2	Duy trì cơ giới kết hợp thủ công	km/ngày	277,14	266,03	104%
1.3	Quét hút cơ giới	km/ngày	257,84	252,95	102%
1.4	Duy trì hệ phố	ha/ngày	77,31	76,74	101%
1.5	Thu gom rác ca đêm	Km/ngày	58,32	99,82	58%

1.6	Tưới nước rửa đường	km/ngày	48,27	47,87	101%
1.7	Duy trì ngõ xóm	km/ngày	431,79	401,954	107%
2	Duy trì chiếu sáng				
2.1	Quản lý vận hành	Trạm đèn	318,00	295,00	108%
2.2	Duy tu, sửa chữa	Trạm đèn	281,00	272,00	103%
3	Duy trì thoát nước				
3.1	Nạo vét bùn bằng thủ công	m ³	942,10	919,59	102%
3.2	Nạo vét bùn bằng cơ giới	m	18.331,64	6.483,00	283%
3.3	Xử lý bùn tại bãi	tấn	3.441,37	2.045,70	168%
4	Duy trì cây xanh				
4.1	Cắt tỉa cây bóng mát	cây	10.331	10.731	96%
4.2	Duy trì cây mảng, hàng rào	m ² /tháng	4.450	4.623,56	96%
5	Thu giá và phát triển HĐDV				
5.1	Thu giá hộ KD, cơ quan >1m ³ /tháng	tr. đồng	19.756	16.489	120%
5.2	Thu giá hộ gia đình, kinh doanh nhỏ	tr. đồng	18.007	16.616	108%
5.3	Phát triển hoạt động dịch vụ				
-	Số lượng các HĐDV khác (Không tính các HĐ thu giá)	HĐ	148	168	88%
-	Doanh thu hợp đồng DV khác	tr. đồng	4.262	3.345	127%

N:010
 C
 C
 MÔI TR
 GI
 NG B

4. Công tác nhân sự, lao động

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2023 với 2022
1	Tổng số lao động	người	655	658	100,5%
1.1	Gián tiếp	nt	34	35	102,9%
1.2	Phụ trợ	nt	15	15	100%
1.3	Trực tiếp	nt	606	608	100,3%
2	Số lao động nghỉ hưu	người	01	01	100%
3	Số lao động chấm dứt HĐLĐ	người	48	45	93,8%
4	Số lao động tuyển dụng mới	người	92	49	53,3%

5. Công tác đầu tư

TT	Nội dung đầu tư	Số lượng	Giá trị (đồng)		Ghi chú
			Theo Nghị quyết ĐHCĐ	Giá trị thực hiện	
I	Chi phí đầu tư thiết bị		9.200.000.000	8.920.000.000	
1	Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển rác, tải trọng 10 – 11 tấn	2	4.960.000.000	4.830.000.000	
2	Xe ô tô chuyên dùng thu gom, trung chuyển rác, tải trọng 3 – 3,5 tấn	1	880.000.000	855.000.000	
3	Xe ô tô chuyên dùng thu gom rác tải trọng <=2 tấn phục vụ hợp đồng dịch vụ tại Vinhomes Ocean Park	2	1.000.000.000	980.000.000	
4	Xe ô tô chuyên dùng thu gom rác, duy trì vệ sinh ngõ xóm tải trọng <=2 tấn	3	1.500.000.000	1.425.000.000	
5	Xe ô tô chuyên dùng cầu thùng, dung tích thùng chứa 4-5m ³	1	860.000.000	830.000.000	
II	Các chi phí khác		463.224.000	82.607.000	
1	Chi phí lựa chọn nhà thầu, lập dự án; tư vấn lập bản vẽ kỹ thuật, lập dự toán; đăng ký đăng kiểm		83.212.000	82.607.000	
2	Dự phòng phí		380.012.000	-	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (I+II)		9.663.224.000	9.002.607.000	

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

- Trong bối cảnh giá cả xăng dầu, vật tư, nhân công... tăng cao, đơn giá duy tu, duy trì chưa được thành phố điều chỉnh, Công ty đã thực hiện quản lý chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí phát sinh để đạt hiệu quả cao nhất. Kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

- Khối lượng, địa bàn, các mảng công việc được duy trì ổn định và phát triển.

- Công tác chăm lo đời sống người lao động được quan tâm; Chế độ, chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tiến độ thanh, quyết toán một số gói thầu còn chậm do vướng mắc trong công tác bàn giao, nghiệm thu... Nguồn thu giá dịch vụ VSMT chưa đủ cân đối chi phí duy trì ngõ xóm đối với gói thầu duy trì VSMT trên địa bàn Huyện.

- Việc áp dụng công nghệ vào công tác quản lý điều hành còn hạn chế... Công tác phát triển mở rộng địa bàn trong lĩnh vực công ích gặp khó khăn do các gói thầu ổn định theo giai đoạn, mức độ cạnh tranh cao.

- Công tác tuyển dụng và giữ chân lao động VSMT khó khăn, bị động do mức thu nhập và điều kiện làm việc chưa thu hút.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Nhận định tình hình năm 2024

1.1. Thuận lợi

- Đơn giá các gói thầu duy trì VSMT đã được điều chỉnh theo Quyết định số 6060/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND Thành phố Hà Nội.
- Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các gói thầu duy trì VSMT, duy trì đô thị ổn định cho giai đoạn 2021-2025.
- Dịch vụ công ích tiếp tục được xã hội quan tâm, cơ chế đấu thầu ngày càng minh bạch (các gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng), bên cạnh đó Công ty có nền tảng cơ sở hạ tầng, nhân sự, nguồn lực tài chính đủ đáp ứng yêu cầu các gói thầu đang thực hiện cũng như nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh.

1.2. Khó khăn

- Nguồn thu giá dịch vụ VSMT tiếp tục không đủ bù đắp chi phí duy trì ngõ xóm trên địa bàn Huyện do chưa được điều chỉnh mức thu. Công nợ phải thu từ chủ đầu tư cho hạng mục duy trì VSMT ngõ xóm từ năm 2021-2023 \approx 13,9 tỷ đồng.
- Công tác tuyển dụng lao động VSMT tiếp tục gặp khó khăn do mức thu nhập, điều kiện làm việc chưa thu hút, có khả năng xảy ra tình trạng dịch chuyển lao động.
- Nhiều quy định, chính sách trực tiếp liên quan tới lĩnh vực dịch vụ công ích còn bất cập, gây khó khăn cho công tác điều hành sản xuất: Phân cấp quản lý hạ tầng; Quy hoạch điểm tập kết, phân loại rác...
- Một số gói thầu duy trì đô thị đơn vị thực hiện trong năm 2023, bước sang năm 2024 chủ đầu tư chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu trong quý I dẫn đến việc duy tu, duy trì bị gián đoạn, ảnh hưởng doanh thu và công tác sắp xếp nhân sự, bố trí phương tiện.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH thực hiện năm 2024	Kết quả thực hiện năm 2023	So sánh KH 2024 với TH 2023	Ghi chú
1	Tổng doanh thu sau thuế	193.683	188.794	102,6%	
2	Tổng doanh thu trước thuế	180.179	176.173	102,3%	
2.1	Duy trì VS quận Long Biên	40.902	36.813	111,1%	
2.2	Duy trì VS huyện Gia Lâm	95.630	87.089	109,8%	
2.3	Duy trì thoát nước	3.940	6.684	58,9%	
2.4	Duy trì chiếu sáng	20.813	25.278	82,3%	
2.5	Duy trì VS đường vành đai 3	4.412	4.534	97,3%	
2.6	Hợp đồng dịch vụ khác	4.500	4.262	105,6%	

190477-
G TY
H AN
NG DO TH
LAM
T.P.H

2.7	Duy trì cây xanh	4.665	4.496	103,7%	
2.8	Liên kết, hợp tác kinh doanh trụ sở	658	846	77,8%	
2.9	10% Công tác thu giá dịch vụ	3.459	3.459	100,0%	
2.10	Doanh thu từ các hoạt động khác	1.200	2.711	44,3%	
3	Tổng chi phí	165.341	162.099	102,0%	
4	Lợi nhuận trước thuế	14.838	14.074	105,4%	
5	Lợi nhuận sau thuế	12.613	12.114	104,1%	
6	Tỷ suất LNST/Tổng DT	7,0%	6,9%	101,8%	
7	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	12%	12%	98,9%	
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/Nợ NH)	3	3,2	93,3%	
9	Nộp ngân sách	11.700	11.751	99,6%	
10	Thu nhập bình quân tháng NLD	8,1	7,78	104,1%	

3. Các giải pháp hoàn thành kế hoạch 2024

1. Đối với công tác điều hành sản xuất

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Vận hành trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng; Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu hệ thống cây xanh, thoát nước, phương tiện thiết bị trên nền tảng phần mềm quản lý hạ tầng.

- Triển khai thu phí vệ sinh thông qua bên thứ 3 nhằm giảm chi phí nhân công đi thu trực tiếp tại các địa bàn.

- Xây dựng phương án, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện phân loại rác tại nguồn khi Chủ đầu tư có yêu cầu.

2. Công tác tổ chức, nhân sự

- Tập trung các giải pháp nhằm giữ chân, thu hút người lao động: Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, chế độ đãi ngộ người lao động...

- Xây dựng kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và các tiêu chuẩn phục vụ các gói thầu.

3. Công tác tài chính: Đảm bảo nguồn lực tài chính cho mọi hoạt động của Công ty, sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Rà soát, đối chiếu và xác nhận các loại công nợ, đánh giá rủi ro để có cơ sở trích lập dự phòng theo qui định.

4. Công tác đầu tư

Tiếp tục đầu tư hạ tầng, phương tiện, thiết bị phục vụ công tác duy trì VSMT, duy trì đô thị nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất, chất lượng dịch vụ.

5. Hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh

- Tích cực tìm kiếm, khai thác, phát triển các hợp đồng dịch vụ về VSMT, duy trì đô thị, vệ sinh công nghiệp, duy trì cảnh quan...

- Chuẩn bị sẵn sàng điều kiện tham gia đấu thầu các gói thầu dịch vụ công ích duy trì VSMT, duy trì đô thị với quy mô và địa bàn phù hợp khả năng Công ty.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV MTĐT Hà Nội
- HĐQT, Ban KS;
- Ban GĐ;
- Các phòng, ban C.ty;
- Lưu VT.



